TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17-4-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Đào Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trịnh Xuân O; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã VA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị T; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã VA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo ông Trịnh Xuân O trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Ông O và bà Vũ Thị T chung sống với nhau từ năm 1986 đến ngày 17-02-2006 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc từ năm 1986 đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn trong quản lý kinh tế. Bản thân ông đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả. Từ năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vũ Thị T.

2. Về con chung: Ông và bà Vũ Thị T có 03 con chung là Trịnh Văn H, sinh ngày 15-12-1989, Trịnh Thị L, sinh ngày 30-6-1994 và Trịnh Quỳnh A, sinh ngày 31-10-2007. Hiện con chung Trịnh Văn H và Trịnh Thị L đã trưởng thành đủ 18 tuổi, phát triển bình thường, không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao con chung Trịnh Quỳnh A cho bà Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con ông và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông xin nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời khai của bà Vũ Thị T thống nhất với ông Trịnh Xuân O về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp. Nay ông Tạm có đơn ly hôn với bà, bà T không đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông O; về con chung bà T và ông O có 03 con chung về họ tên, tuổi như ông O trình bày. Hiện cháu Trịnh Văn H, Trịnh Thị Lan đã trưởng thành đủ 18 tuổi, phát triển bình thường, không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao con chung Trịnh Quỳnh A cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con bà xin tự thỏa thuận với ông O, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản, công nợ và các vấn đề khác, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là ông Trịnh Xuân O có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, bà Vũ Thị T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn không đến tòa theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giải quyết ông Trịnh Xuân O được ly hôn bà Vũ Thị T; về con chung: Giao cho bà Vũ Thị T được nuôi dưỡng con Trịnh Quỳnh A

đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu, nên đề nghị không xét; về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên đề nghị không xét; về án phí: Ông O trên 60 tuổi có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn ông Trịnh Xuân O, bị đơn bà Vũ Thị T: Ông O, bà T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02, ông O vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông O, bà T.

- Về yêu cầu của nguyên đơn ông Trịnh Xuân O:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Xuân O, bà Vũ Thị T chung sống với nhau từ năm 1986 đến ngày 17-02-2006 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở lời khai của đương sự, biên bản xác minh của Tòa án thấy: Trong thời gian chung sống ông O, bà T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm với nhau. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định mâu thuẫn của ông O, bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông O đề nghị được ly hôn bà T là có căn cứ, phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của ông O được ly hôn bà T.

[4] Về con chung: Ông Trịnh Xuân O và bà Vũ Thị T có 03 con chung là Trịnh Văn H, sinh ngày 15-12-1989, Trịnh Thị L, sinh ngày 30-6-1994 và Trịnh Quỳnh A, sinh ngày 31-10-2007. Hiện anh Trịnh Văn H, chị Trịnh Thị L đã trưởng thành đủ 18 tuổi, phát triển bình thường, các đương sự không yêu cầu giải quyết

việc nuôi dưỡng nên không xét. Đối với cháu Trịnh Quỳnh A chưa đủ 18 tuổi, có đề nghị được ở với bà T khi ông O, bà T ly hôn, bà T có chỗ ở, thu nhập ổn định đảm bảo được điều kiện nuôi con, ông O, bà T thống nhất giao con cho bà T nuôi. Nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của ông O, bà T về việc giao cháu Trịnh Quỳnh A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Ông Trịnh Xuân O là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông O được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại các điều 19, 51, 53, 56, 57 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào quy định tại điểm đ khoản Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Ông Trịnh Xuân O được ly hôn bà Vũ Thị T.

2- Về con chung: Giao cháu Trịnh Quỳnh A, sinh ngày 31-10-2007 cho bà Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Ông Trịnh Xuân O được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo bản án:

Ông Trịnh Xuân O, bà Vũ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5- Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã VA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Duy Việt